TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Lương

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Thu Hiếu.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ trụ sở: …. N, Phường .., Quận …, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện khởi kiện: ông Nguyễn T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định V/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của bà Nguyễn Đức T– Chức vụ: Tổng Giám đốc). Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 128/2023/UQ-CNĐN ngày 10/10/2023 của ông Nguyễn T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng). Địa chỉ: …. Bạch Đằng, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm: 19...

Địa chỉ: 5. T, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nội dung vụ án như sau:

Ngày 17/9/2014, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp tín dụng, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 912.153.015đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, đến ngày 05/8/2021, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 971.870.000đồng, trong đó: phí trễ hạn: 6.911.469đồng, phí vượt hạn mức: 414.650đồng, phí khác: 2.292.000đồng, lãi phát sinh: 153.897.909đồng và thanh toán gốc: 808.353.972đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến kỳ sao kê ngày 05/09/2021, bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/11/2021 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Tại phiên toà, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày 29/5/2024, cụ thể: bà T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 98.084.475đồng *(Chín mươi tám triệu không tăm tám bốn ngàn bốn trăm bảy lăm đồng),* lãi và phí phát sinh 15.926.862đồng *(Mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu hai đồng)*, lãi quá hạn: 138.729.240đồng *(một trăm ba tám triệu bảy tram hai mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng),* tổng cộng: 252.740.577đồng *(Hai trăm năm hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy bảy đồng),* lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị T đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà T đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyễn Thị T cư trú tại 5. T, phường Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà T vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 17/9/2014, bà Nguyễn Thị T đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Hạn mức sử dụng là 100.000.000đồng, lãi suất 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (đơn vị đại diện theo ủy quyền ký Hợp đồng là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng) và bà Nguyễn Thị T được ký kết bởi chủ thể hợp pháp của hai bên, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày 29/5/2024, buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền nợ cụ thể là: Dư nợ gốc: 98.084.475đồng *(Chín mươi tám triệu không trăm tám bốn ngàn bốn trăm bảy lăm đồng)*, lãi và phí phát sinh 15.926.862đồng *(Mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu hai đồng)*, lãi quá hạn: 138.729.240đồng *(một trăm ba tám triệu bảy tram hai mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng)*, tổng cộng: 252.740.577đồng *(Hai trăm năm hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy bảy đồng)*, lãi được tiếp tục tính

từ ngày 30/5/2024 cho đến khi bà T trả hết khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ký ngày 17/9/2014.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà T vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện bà T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/9/2014 với Ngân hàng TMCP S và tổng dư nợ như Ngân hàng yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Từ kỳ sao kê ngày 05/9/2021 cho đến nay bà T không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S mà bà đã ký kết với Ngân hàng ngày 17/9/2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền: Dư nợ gốc: 98.084.475đồng *(Chín mươi tám triệu không tăm tám bốn ngàn bốn trăm bảy lăm đồng)*, lãi và phí phát sinh 15.926.862đồng *(Mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu hai đồng)*, lãi quá hạn: 138.729.240đồng *(một trăm ba tám triệu bảy tram hai mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng)*, tổng cộng: 252.740.577đồng *(Hai trăm năm hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy bảy đồng)*. Lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ký ngày 17/9/2014 như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu theo qui định của pháp luật là: 252.740.577đồng x 5% = 12.637.028đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là: 252.740.577đồng *(Hai trăm năm hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy bảy đồng)* (Trong đó: Dư nợ gốc: 98.084.475đồng *(Chín mươi*

tám triệu không tăm tám bốn ngàn bốn trăm bảy lăm đồng), lãi và phí phát sinh 15.926.862đồng *(Mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu hai đồng)*, lãi quá hạn: 138.729.240đồng *(một trăm ba tám triệu bảy tram hai mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng))*.

Lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) ký ngày 17/9/2014.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là: 12.637.028đồng *(Mười hai triệu sáu trăm ba bảy ngàn không trăm hai tám đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 5.458.868đồng *(Năm triệu bốn trăm năm tám ngàn tám trăm sáu tám đồng)* theo biên lai thu số 0002639 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày cấp hoặc niêm yết bản án tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *CCTHADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*